



kuǐ lěi zhèng quán

傀儡政权

noun · puppet regime

Example Sentence

Zhè ge guó jiā céng jīng yǒu yī gè kuǐ lěi zhèng quán

这个国家曾经有一个傀儡政权。

This country once had a puppet regime.

Trace each character, then write the word on your own.

傀	傀	傀	傀	傀	傀	傀	傀	傀	傀	傀
傀	傀	傀								

儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡
儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡	儡		

政	政	政	政	政	政	政	政	政	政	政
政										

傀儡政权